TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Điều dưỡng**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Văn bằng: **Cử nhân**

Khóa đào tạo: **Khóa 21 (2025 - 2029)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **138**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 04 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 04, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**4**			
CB70107	Hiểu biết về DNTU (*)	1	15	15	0
TN70020	Nhập môn AI (*)	1	15	15	0
TA70301	Key English 1 (*)	3	45	45	0
TA70302	Key English 2 (*)	3	45	45	0
TA70303	Key English 3 (*)	3	45	45	0
TA70304	English Speaking Community	2	30	30	0
CB70411	Bơi lội (*)	1	30	0	30
DD70016	Giới thiệu ngành điều dưỡng	1	15	15	0
CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	1	15	15	0
DD70001	Sinh học đại cương và di truyền	2	30	30	0

HỌC KỲ 2: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 22, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**22**			
CB70301	Tin học 1	2	45	15	30
TA70305	Intensive English 1	4	60	60	
CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	15	15	
CB70101	Triết học Mác Lênin	3	45	45	
DD70001	Sinh học đại cương và di truyền	2	30	30	
DD70002	Hoá sinh	2	45	15	30
DD70008	Sinh lý học	2	30	30	
DD70010	Điều dưỡng cơ bản I	2	30	30	
DD70005	Thực hành Giải phẫu học	2	60		60
DD70004	Giải phẫu học	2	30	30	0
TH70001	Tin học 1	2	45	15	30
TA70305	Intensive English 1	4	60	60	0
CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	15	15	0
XN70061	Hoá sinh cơ sở	2	45	15	30
DD70008	Sinh lý học	2	30	30	0
DD70010	Điều dưỡng cơ bản I	2	30	30	0
DD70012	Điều dưỡng cơ bản II	2	30	30	0

CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
DD70005	Thực hành Giải phẫu học	2	60	0	60
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1*	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2*	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3*	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4*	2	60	0	60
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 4 học phần)		**0**			
CB71412	Bóng đá (*)	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền (*)	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông (*)	1	30	0	30
CB71410	Pickleball (*)	1	30	0	30
HỌC KỲ 3: 23 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 19, tự chọn: 04)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**19**			
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0
TH70002	Tin học 2	2	60	0	60
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và xây dựng mối quan hệ	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
DD70009	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	30	30	0
DD70011	Thực hành điều dưỡng cơ bản I	2	60	0	60

CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
CB71103	Tâm lý học - Y đức	2	30	30	
CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	30	
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
XN70062	Hóa sinh y học	2	30	30	0
DD71061	Hóa hữu cơ - vô cơ	2	30	30	0
CB71413	Fitness (*)	1	30	0	30
CB71406	Dancesport (*)	1	30	0	30
CB71407	Bóng rổ (*)	1	30	0	30
CB71414	Võ thuật (*)	1	30	0	30
HỌC KỲ 4: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 22, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**22**			
TA70307	Intensive English 3	4	60	60	0
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
DD70013	Thực hành điều dưỡng cơ bản II	2	60	0	60
DD70027	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1	2	30	30	0
DD70028	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2	2	30	30	0

DD70024	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 1	2	30	30	0
DD70025	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 2	2	30	30	0
CB70306	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
DD70015	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	2	30	30	0
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
HỌC KỲ 5: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 20, tự chọn: 02)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**20**			
TA70308	Intensive English 4	4	60	60	0
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
DD70026	Thực hành bệnh viện chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	3	150	0	0
DD70029	Thực hành bệnh viện chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa	3	150	0	0
DD70032	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	2	30	30	0
DD70038	Chăm sóc sức khỏe, phụ nữ, bà mẹ, gia đình	2	30	30	0
DD70040	Thực hành sơ cấp cứu ban đầu	2	60	0	60
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
DD71017	Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng	2	30	30	0
DD71018	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp	2	30	30	0
DD71023	Sức khoẻ - Nâng cao sức khoẻ & hành vi con người	2	30	30	0
HỌC KỲ 6: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 18, tự chọn: 02)					

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		**18**			
DD70034	Chăm sóc sức khoẻ tâm thần	2	30	30	0
DD70006	Dược lý	2	30	30	0
DD70007	Thực hành dược lý	1	30	0	30
DD70036	Chăm sóc sức khoẻ trẻ em	2	30	30	0
DD70030	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	2	30	30	0
DD70033	Thực hành bệnh viện chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	2	100	0	0
DD70039	Thực hành bệnh viện chăm sóc sức khoẻ phụ nữ, bà mẹ, gia đình	2	100	0	0
DD70035	Thực hành bệnh viện Chăm sóc sức khỏe tâm thần	1	50	0	0
CB70309	Kỹ năng tư duy hiệu quả và sáng tạo	2	30	30	0
DD70003	Dịch tễ học	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
DD71019	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	45	15	30
DD71020	Vật lý - Lý sinh	2	30	30	0
DD71022	Tổ chức y tế và quản lý y tế	2	30	30	0
HỌC KỲ 7: 15 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 11, tự chọn: 04)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**11**			
DD70042	Quản lý điều dưỡng	2	30	30	0
DD70041	Chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi	2	30	30	0

DD70014	Dinh dưỡng và sức khỏe	2	30	30	0
DD70037	Thực hành bệnh viện chăm sóc sức khoẻ trẻ em	2	100	0	0
DD70031	Thực hành bệnh viện chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	3	150	0	0
Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 6 học phần)		**4**			
DD71044	Chăm sóc sức khoẻ cộng đồng	2	30	30	0
DD71045	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	2	30	30	0
DD71046	Y học cổ truyền	2	30	30	0
DD71047	Thực tập cộng đồng	2	100	0	0
DD71048	Thực hành bệnh viện Y học cổ truyền	2	100	0	0
DD71049	Thực hành bệnh viện chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	2	100	0	0
HỌC KỲ 8: 10 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 04, tự chọn: 06)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp		***5***			
DD70080	Thực tập tốt nghiệp	4	200	0	0
Khóa luận tốt nghiệp		***7***			
DD71081	Khoá luận tốt nghiệp	6	180	0	180
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		***6***			
DD71053	Điều dưỡng phòng mổ	3	150	0	0
DD71082	Chuyên đề tốt nghiệp	3	90	0	90